

NỘI DUNG
ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2022 - 2023
Môn: TIẾNG ANH

I. Hình thức – Thời lượng làm bài

- Khối 12: 100% Trắc nghiệm – 60 phút.
- Khối 11: 32 câu trắc nghiệm, 18 câu tự luận (có phần nghe) – 60 phút.
- Khối 10: 32 câu trắc nghiệm, 18 câu tự luận (có phần nghe) – 60 phút.

II. Nội dung

Khối	Nội dung ôn tập
12	* Giới hạn chủ đề đọc hiểu và từ vựng ở các Unit 13, 14, 15 và 16 (bám sát đề cương bài tập) * Ngữ pháp: Double Passive (Bị động kép), Double Comparison (So sánh kép), Inversion (Đảo ngữ), Reduncing Relative Clauses (Rút gọn Mệnh đề Quan hệ) hoặc Modal verbs in Passive. 1. Phát âm (Pronunciation): 3 câu (S/ED) hoặc nguyên âm. 2. Dấu nhấn (Stress): 2 câu (nằm trong 4 Unit 13, 14, 15, 16). 3. Tìm lỗi sai (Error Identification): 3 câu (bám sát đề cương bài tập). 4. Đồng nghĩa (Synonym): 2 câu (nằm trong 4 Unit 13, 14, 15, 16). 5. Trái nghĩa (Antonym): 1 câu (nằm trong 4 Unit 13, 14, 15, 16), 1 câu thành ngữ. 6. Đọc hiểu chọn từ thích hợp cho chỗ trống (Guided – Close): 5 câu (theo chủ đề trong 4 Unit 13, 14, 15, 16). 7. Bài đọc hiểu (Reading & Comprehension): 5 câu (theo chủ đề nằm trong 4 Unit 13, 14, 15, 16). 8. Chuyển thể (Transformation): 5 câu (theo ngữ pháp nêu trên). 9. Bài đọc hiểu nâng cao (Reading & Comprehension): 5 câu (theo chủ đề nằm trong 4 Unit 13, 14, 15, 16). 10. Từ vựng (Vocabulary): 16 câu (nằm trong 4 Unit 13, 14, 15, 16) (Theo tỉ lệ 4 – 4 – 4 – 4). 11. Văn nói (Speaking): 2 câu.
11	* Giới hạn chủ đề đọc hiểu và từ vựng ở các Unit 13, 15 và 16 (bám sát đề cương bài tập). * Ngữ pháp: Conjunction (Liên từ), Cleft sentences (Câu chẻ), Double Passive

	(Bị động kép), Tenses (Thì động từ).	
	TRẮC NGHIỆM	TỰ LUẬN
	1. Phát âm (Pronunciation): 3 câu (nằm trong 3 Unit 13, 15, 16) 2. Dấu nhấn (Stress): 3 câu (nằm trong 3 Unit 13, 15, 16) 3. Tìm lỗi sai (Error Identification): 3 câu (bám sát đề cương bài tập) 4. Đồng nghĩa (Synonym): 2 câu (nằm trong 3 Unit 13, 15, 16) 5. Trái nghĩa (Antonym): 2 câu (nằm trong 3 Unit 13, 15, 16) 6. Bài đọc hiểu (Reading & Comprehension): 4 câu (theo chủ đề nằm trong 3 Unit 13, 15, 16) 7. Từ vựng (Vocabulary) 15 câu (nằm trong 3 Unit 13, 15, 16) (Theo tỉ lệ 5-5-5)	1. Nghe chọn đáp án True/ False: 4 câu (nằm trong 2 Unit 15, 16) 2. Nghe và viết từ đúng vào chỗ trống: 4 câu (nằm trong 2 Unit 15, 16) 3. Từ loại (Word form): 4 câu (nằm trong 3 Unit 13, 15, 16) 4. Viết lại câu (Rewrite): 6 câu (theo ngữ pháp nêu trên): Conjunction 2 câu, Double Passive 2 câu, Cleft sentences 2 câu
10	* Giới hạn chủ đề đọc hiểu và từ vựng ở các Unit 7, 8 (bám sát Student book, Work book). * Ngữ pháp: Passive Voice (Bị động), Reported Speech (Trường thuật) (Statement), Word form, Preposition.	
	TRẮC NGHIỆM	TỰ LUẬN
	1. Phát âm (Pronunciation): 3 câu (nằm trong 2 Unit 7, 8) 2. Dấu nhấn (Stress): 3 câu (nằm trong 2 Unit 7, 8) 3. Tìm lỗi sai (Error Identification): 3 câu (theo ngữ pháp nêu trên) 4. Đồng nghĩa (Synonym): 2 câu (nằm trong 2 Unit 7, 8) 5. Trái nghĩa (Antonym): 2 câu (nằm trong 2 Unit 7, 8) 6. Bài đọc hiểu (Reading & Comprehension): 4 câu (theo chủ đề	1. Nghe chọn đáp án True/ False: 4 câu (nằm trong Listening 2 Unit 7, 8) 2. Nghe và viết từ đúng vào chỗ trống: 4 câu (nằm trong Listening 2 Unit 7, 8) 3. Giới từ (Preposition): 4 câu (nằm trong 2 Unit 7, 8) 4. Viết lại câu (Rewrite): 6 câu (theo ngữ pháp nêu trên): Passive Voice 2 câu, Reported Speech 3 câu, Present Perfect & Simple Past 1 câu

	nằm trong 2 Unit 7, 8) 7. Từ vựng: 15 câu (nằm trong 2 Unit 7, 8) (Theo tỉ lệ 7 – 8)	
--	--	--

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2023

Tổ Trưởng Chuyên Môn

Nguyễn Trí Khôn